

Bản án số: 24/2019/HNGĐ-ST.

Ngày: 04/4/2019.

Về việc: “Xin ly hôn”.

NHÂN DANH

**NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN HÒN ĐẤT - TỈNH KIÊN GIANG**

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên toà: Ông Lê Văn An.

Các Hội thẩm nhân dân: 1/. Ông Cao Phước Nghĩa

2/. Bà Phạm Hồng Gái

Thư ký phiên toà: Bà Đỗ Thị Mộng Trinh - Thư ký toà án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất tham gia phiên toà: Ông Nguyễn Minh Hậu – Kiểm sát viên.

Ngày 04 tháng 4 năm 2019 tại Trụ sở Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang xét xử công khai vụ án hôn nhân và gia đình thụ lý số: 35/2019/TLST-HNGĐ ngày 21 tháng 01 năm 2019 về việc: “Xin ly hôn”. Theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 27/2019/QĐST - HNGĐ, ngày 21 tháng 3 năm 2019 giữa các đương sự:

1/ Nguyên đơn: Chị **Nguyễn Thị Vĩnh C**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

2/ Bị đơn: Anh **Trần H1**, sinh năm 1970 (có mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

3/ Những người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan: Ông Nguyễn H2, sinh năm 1952 và bà Nguyễn Thị Cẩm Chi, sinh năm 1952 (có đơn xin xét xử vắng mặt).

Địa chỉ: ấp Mỹ Hưng, xã Mỹ Lâm, huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

** Theo đơn khởi kiện và trong quá trình xét xử, nguyên đơn chị Nguyễn Thị Vĩnh C trình bày như sau:*

- Về hôn nhân: Chị Nguyễn Thị Vĩnh C và anh Trần H1 được gia đình hai bên tổ chức đám cưới vào năm 2000, chị C và anh Hùng chung sống với nhau như vợ chồng

từ khi đó nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và cũng chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn. Thời gian đầu chung sống hạnh phúc nhưng bắt đầu từ năm 2016 cho đến nay thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn nguyên nhân là do anh Hùng thường xuyên sử dụng rượu bia, sau đó còn nhục mạ chị C và cha mẹ chị nhiều lần. Chị C đã nhiều lần khuyên ngăn nhưng anh Hùng vẫn không thay đổi, hiện tại giữa chị và anh Hùng đã ly thân hơn 06 tháng nay. Nay nhận thấy tình cảm vợ chồng không còn, hôn nhân không đạt mục đích nên chị C yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ giữa chị với anh Hùng là vợ chồng.

- Về con chung: Quá trình chung sống giữa chị C và anh Hùng có 01 người con chung Trần Hoàng Thắng, sinh ngày 24/6/2002. Hiện con đang sống cùng chị C, ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng con chung và không yêu cầu anh Hùng phải cấp dưỡng nuôi con chung.

- Về tài sản chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

- Về nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

** Tại bản tự khai và tại phiên tòa anh Trần H1 trình bày như sau:*

Anh Trần H1 và chị Vĩnh C chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn là đúng sự thật. Quá trình chung sống giữa anh và chị C có phát sinh mâu thuẫn nhưng theo anh đó là những mâu thuẫn nhỏ trong gia đình không thể tránh khỏi. Anh thừa nhận hai anh chị hiện nay đã sống ly thân hơn 06 tháng nay như lời trình bày của chị C là đúng. Nay chị Vĩnh C yêu cầu được ly hôn với anh Hùng thì anh Hùng không đồng ý do anh còn thương vợ con, không muốn con thiếu thốn tình cảm gia đình, thua kém bạn bè.

- Về con chung: Anh Hùng và chị C có một người con chung như chị C trình bày là đúng. Hiện tại cháu Hoàng Thắng vẫn đang sống anh và chị C. Do không muốn ly hôn nên anh Hùng không có ý kiến gì về phần con chung.

- Về tài sản và nợ chung: Không có, không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh Hùng trình bày nếu Tòa án giải quyết ly hôn giữa anh và chị C thì anh đồng ý giao cháu Trần Hoàng Thắng cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành, anh không phải cấp dưỡng nuôi con chung.

** Tại biên bản ghi lời khai ngày 21/3/2019 người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan ông Nguyễn H2 và bà Nguyễn Thị Cẩm Chi (cha mẹ ruột của chị C) trình bày như sau:*

Cháu Trần Hoàng Thắng là cháu ngoại của ông Hùng và bà Chi. Vợ chồng chị C và anh Hùng sống cùng với ông bà. Cháu Thắng từ khi sinh ra cho đến nay ông bà là người trực tiếp chu cấp tiền, cũng như phụ giúp chị C chăm sóc cháu Thắng. Chị C sống chung với ông bà và phụ giúp ông bà trong công việc hàng ngày. Hàng tháng ông bà trả lương cho chị C 5.000.000 đồng để chi tiêu sinh hoạt, lo cho con cái, còn anh Hùng thì không tạo được thu nhập gì cả. Nay chị C yêu cầu được ly hôn với anh Hùng thì ông bà không có ý kiến gì, riêng về phần cháu Thắng thì ông bà yêu cầu Tòa án giải quyết theo hướng giao cháu Thắng cho chị C và ông bà tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

** Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất:*

- Việc tuân theo pháp luật của Thẩm phán: Trong quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã tuân theo đúng các quy định về pháp luật tố tụng dân sự.

- Việc tuân theo pháp luật của Hội đồng xét xử: Tại phiên tòa Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật tố tụng dân sự về phiên tòa sơ thẩm và đảm bảo đúng nguyên tắc xét xử.

- Về chấp hành pháp luật của các đương sự trong vụ án: Từ khi thụ lý vụ án cũng như tại phiên tòa hôm nay các đương sự đã thực hiện đúng các quy định Bộ luật tố tụng dân sự về quyền và nghĩa vụ của các đương sự.

- Về nội dung vụ án: Qua nghiên cứu các tài liệu chứng cứ có trong hồ sơ vụ án đề nghị Hội đồng xét xử tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa bà chị Nguyễn Thị Vĩnh C và anh Trần H1 là vợ chồng. Về con chung: tại phiên tòa anh Hùng trình bày đồng ý giao cháu Thắng cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nên đề nghị HĐXX ghi nhận sự tự nguyện của anh Hùng, giao cháu Trần Hoàng Thắng cho chị Vĩnh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành do từ trước đến nay chị C là người trực tiếp nuôi dưỡng và chăm sóc cháu Thắng.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, cũng như không có cho ai vay nợ nên không yêu cầu Tòa án xem xét nên miễn xét.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và đã được thẩm tra tại phiên Tòa, căn cứ kết quả tranh luận tại phiên toà Hội đồng xét xử nhận định vụ án này như sau:

[1] Về thẩm quyền: Đối với tranh chấp về hôn nhân gia đình chị Nguyễn Thị Vĩnh C và anh Trần H1. Căn cứ vào Điều 28, điểm a khoản 1 Điều 35, điểm a khoản 1 Điều 39 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015 thì vụ án này thuộc thẩm quyền giải quyết của Tòa án nhân dân huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang.

Đối với người có quyền lợi và nghĩa vụ liên quan là ông Nguyễn H2 và bà Nguyễn Thị Cẩm Chi Tòa án đã tổng đạt văn bản tố tụng hợp lệ cho các đương sự nhận đầy đủ nhưng do bận công việc nên ông Hùng và bà Chi có đơn xin xét xử vắng mặt. Do đó Tòa án vẫn tiến hành xét xử vắng mặt các đương sự theo quy định tại Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật tố tụng dân sự.

[2] Về nội dung vụ án: Chị Nguyễn Thị Vĩnh C và anh Trần H1 chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000, tuy gia đình hai bên có tổ chức đám cưới theo phong tục địa phương nhưng không làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan có thẩm quyền nào cấp giấy chứng nhận kết hôn theo quy định.

Quá trình chung sống giữa chị C và anh Hùng phát sinh mâu thuẫn, nguyên nhân là do anh Hùng thiếu sự tôn trọng đối với chị C và cả gia đình bên vợ, anh Hùng thường xuyên sử dụng rượu bia, sau đó tìm cớ gây chuyện với chị C. Nay chị C nhận thấy cuộc sống vợ chồng không còn hạnh phúc nên chị yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị với anh Hùng. Tuy nhiên tại các bản khai và tại phiên tòa hôm nay anh Hùng cho rằng mâu thuẫn giữa anh và chị C chưa đến mức trầm trọng phải ly hôn. Mặt khác anh vẫn còn thương vợ con, anh không muốn con anh thiếu thôn tình cảm của cha mẹ nên anh không đồng ý với yêu cầu xin ly hôn của chị C.

Hội đồng xét xử xét thấy: Việc chị C yêu cầu Tòa án không công nhận mối quan hệ vợ chồng giữa chị và anh Hùng là có cơ sở để được chấp nhận. Bởi lẽ, chị C và anh Hùng chung sống với nhau như vợ chồng từ năm 2000 cho đến nay nhưng chưa làm thủ tục đăng ký kết hôn và chưa được cơ quan nào cấp giấy chứng nhận kết hôn việc này đã vi phạm Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

Tại khoản 1 Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000 quy định: ...1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền (cơ quan đăng ký kết hôn) thực hiện theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này. Mọi nghi thức kết hôn

không theo nghi thức tại Điều 14 của Luật này đều không có giá trị pháp lý. Nam, nữ chung sống với nhau như vợ chồng mà không đăng ký kết hôn thì không được pháp luật công nhận là vợ chồng... ”.

Đồng thời tại khoản 1 Điều 9 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014 quy định:
...1. “Việc kết hôn phải được đăng ký và do cơ quan nhà nước có thẩm quyền thực hiện theo quy định của Luật này và pháp luật về hộ tịch. Việc kết hôn không được đăng ký theo quy định tại khoản này thì không có giá trị pháp lý... ”.

Mặt khác, tại phiên tòa hôm nay cũng như quá trình làm việc tại Tòa án chị C và anh Hùng đều trình bày sau khi chung sống với nhau một thời gian thì giữa anh chị phát sinh mâu thuẫn do bất đồng quan điểm sống, không hòa hợp được và hiện tại cũng đã ly thân từ hơn 06 tháng nay, anh chị không còn quan tâm chăm sóc lẫn nhau nữa. Do đó việc Hội đồng xét xử tuyên bố quan hệ hôn nhân giữa chị C và anh Hùng không có giá trị pháp lý là phù hợp với quy định của pháp luật.

Về con chung: Chị Nguyễn Thị Vĩnh C và anh Trần H1 có một người con chung tên Trần Hoàng Thắng, sinh ngày 24/6/2002 hiện tại chị C đang trực tiếp chăm sóc nuôi dưỡng cháu Thắng. Ly hôn chị C yêu cầu được tiếp tục nuôi dưỡng cháu Thắng đến tuổi trưởng thành và không yêu cầu anh Hùng phải cấp dưỡng nuôi con. Trong khi đó anh Hùng cho rằng anh không muốn ly hôn nhưng tại phiên tòa anh Hùng trình bày nếu Tòa án giải quyết ly hôn thì anh đồng ý giao cháu Thắng cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Hội đồng xét xử nhận thấy: việc giao con cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành là có cơ sở. Bởi lẽ, từ khi sinh cháu Thắng ra đến nay tuy ông Hùng và bà Chi là người thường xuyên phụ giúp chị C về mặt kinh tế để lo cho cháu Thắng nhưng chị C vẫn là người trực tiếp chăm sóc, nuôi dưỡng cháu Thắng và việc này cũng phù hợp với nguyện vọng của cháu Thắng theo bản tự khai của cháu (BL số 19). Đồng thời tại phiên tòa hôm nay phía anh Hùng cũng đồng ý giao cháu Thắng cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành nên Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện này của anh Hùng, giao cháu Trần Hoàng Thắng cho chị C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành.

Đối với nghĩa vụ cấp dưỡng: Do chị Nguyễn Thị Vĩnh C không yêu cầu nên Hội đồng xét xử miễn xét.

Về tài sản chung và nợ chung: các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

Ý kiến phát biểu của Vị đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Hòn Đất là có cơ sở để được Hội đồng xét xử xem xét trong quá trình nghị án.

[3] Về án phí hôn nhân và gia đình: Chị Nguyễn Thị Vĩnh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên;

QUYẾT ĐỊNH:

- Căn cứ vào Khoản 1 Điều 28; điểm a khoản 1 Điều 35; Điểm a Khoản 1 Điều 39; Điều 147, Điều 227, Điều 228, Điều 266, Điều 271, Điều 273 Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015.

- Áp dụng Điều 11 Luật hôn nhân và gia đình năm 2000, các Điều 8, Điều 9, Điều 14, Điều 81, 82 và 83 Luật hôn nhân gia đình năm 2014.

- Điều 3 Nghị quyết số 35/2000/QH10 ngày 09 tháng 6 năm 2000 của Quốc Hội về thi hành Luật hôn nhân và gia đình năm 2000.

- Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

*** Tuyên Xử:**

1/. Về hôn nhân : Tuyên bố không công nhận mối quan hệ hôn nhân giữa chị Nguyễn Thị Vĩnh C và anh Trần H1 là vợ chồng.

2/. Về con chung : ghi nhận sự tự nguyện của anh Trần H1. Giao cháu Trần Hoàng Thắng, sinh ngày 24/6/2002 cho chị Nguyễn Thị Vĩnh C tiếp tục nuôi dưỡng đến tuổi trưởng thành. Anh Trần H1 không phải cấp dưỡng nuôi con chung do chị Nguyễn Thị Vĩnh C không yêu cầu.

Anh Trần H1 có quyền được thăm nom , chăm sóc con chung không ai được quyền ngăn cản theo quy định của pháp luật.

3/. Về tài sản chung và nợ chung : các đương sự đều trình bày không có tài sản chung và không có nợ chung, không yêu cầu Tòa án xem xét giải quyết nên miễn xét.

4/. Về án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm : Chị Nguyễn Thị Vĩnh C phải chịu án phí hôn nhân gia đình sơ thẩm là 300.000 đồng. Đối trừ số tiền tạm ứng án phí đã nộp theo biên lai thu tiền số 0000627 ngày 07/01/2019 tại Chi cục Thi hành án dân sự huyện Hòn Đất, tỉnh Kiên Giang . Theo đó chị Nguyễn Thị Vĩnh C không phải nộp thêm.

5/. Quyền kháng cáo: Báo cho các đương sự biết có quyền kháng cáo, Viện kiểm sát cùng cấp có quyền kháng nghị bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Riêng đương sự vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo bản án này trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc bản án được niêm yết công khai.

Trường hợp bản án, quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7, 7a và 9 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật thi hành án dân sự đã được sửa đổi bổ sung năm 2014.

Nơi nhận:

- TAND tỉnh Kiên Giang;
- VKS huyện Hòn Đất;
- Chi cục THADS huyện Hòn Đất;
- Đương sự; UBND xã;
- Lưu;

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN – CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Lê Văn An